

VÀI CẢM NHẬN VỀ MÔ TÍP "ĐÔI TA..."

TRONG CA DAO TÂY NAM BỘ

TRẦN MINH THƯƠNG

(ThS, Trường THPT Mai Thanh Thế, Sóc Trăng)

1. Môtip (tiếng Pháp: motif), *Từ điển thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi, cho biết theo Hán Việt là “mẫu đề” (do người Trung Quốc phiên dịch chữ motif trong tiếng Pháp), có thể chuyển thành các từ “khuôn”, “dạng” hoặc “kiểu” trong tiếng Việt chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật dân gian. Ví dụ những bài ca dao *Than thân* của người phụ nữ đều mở đầu bằng câu theo công thức “Thân em”, “Thân em như thể”, ...

Theo *Từ điển tu từ - phong cách - thi pháp học*, Nguyễn Thái Hoà cho biết thêm “Trong nghiên cứu văn học có thể hiểu môtip nghệ thuật theo những cách sau:

- Chủ đề được lặp đi lặp lại;
- Trong thơ ca, môtip là biểu tượng mang giá trị tượng trưng”.

2. Khảo sát những câu ca dao Tây Nam bộ trong công trình *Bộ hành với ca dao* do Lê Giang sưu tầm, sưu tập và biên soạn, chúng tôi nhận thấy có gần 60 bài ca dao có xuất hiện motip “*Đôi ta ...*”. Dù cùng một motip, song, xem xét kỹ từng nội dung, chúng tôi nhận thấy ở đó có nhiều điều thú vị đặc biệt.

Thứ nhất, xét về nội dung, “*đôi ta*” luôn chỉ hai người, là hai đối tượng trong tình yêu lứa đôi. Thoạt nghĩ, *đôi ta* đã là chuyện “sum họp một nhà”! Nhưng thật độc đáo, ở ca dao

cụm đại từ này không dừng lại ở đó. Nó biểu hiện đầy đủ tất cả các cung bậc của tình yêu lứa đôi:

Từ buổi ban đầu gặp gỡ, một người nào đó trong “*đôi ta*” thốt lên:

Đôi ta như đá với dao

Năng liếc năng sắc năng chào năng quen

Hay bộc lộ một thái độ “mừng rỡ” không thể kìm nén:

Đôi ta bắt gặp nhau đây

Như con bò gầy gặp bãi cỏ non

Đã quen biết nhau, họ coi đây như “duyên tiền định”:

Đôi ta như đũa trong kho

Không tẻ không tiện không so cũng bằng

Tình đầu, duyên mới, sự trong trắng trinh nguyên được bộ lộ:

Đôi ta như áo mới may

Như chuông mới đúc, như cây mới bào

Và khéo léo ngỏ lời:

Đôi ta mưa ướt áo rồi

Kiểm nơi đổ lửa vô ngôi hơ chung

Họ dặn dò nhau:

- Đôi ta như lúa phơi màu

Đẹp duyên thì lấy ham giàu làm chi

- Đôi ta hái củi một rừng

Bứt dây một cội xin đừng nghe ai

Nguyễn vượt mọi trắc trở, tìm đến nhau, hướng về nhau:

- Đôi ta như ruộng năm sào

Cách bờ ở giữa làm sao cho liền

- Đôi ta như thể đôi chim

Ngày ăn từ tán tối tìm cội cây

Dù muôn vàn cách trở “đôi ta” cũng sẵn sàng nâng đỡ nhau đến cùng trời cuối đất:

*Đôi ta như rắn liu điu
Nước chảy mặc nước ta đìu lầy nhau
Còn đây một lời thề nguyên quen thuộc
trong tình yêu lứa đôi:*

*- Đôi ta chung thủy vẹn tuyền
Xem lên mái tóc hương nguyên còn đây
- Đôi ta thề thốt giữa đàng
Vạch cây khắc chữ hỏi chàng nhớ không?
Đã đến lúc duyên tình bến lửa, “đôi ta”
không thể chia xa nhau nữa, cung bậc
“tương tư” cũng hiện lên thật đẹp:*

*Đôi ta gá nghĩa giữa đồng
Về nhà luống chịu nước mắt hồng tuôn
rơi*

Tình yêu nào rồi cũng đến hồi kết thúc,
kết quả thì không phải một mà là hai:

Hoặc “đôi ta” làm con một nhà:

*Đôi ta là nghĩa tào khang
Trăm năm vẹn giữ lòng vàng thủy chung
Họ luôn trọn thủy tròn chung dù muôn
vạn khốn khó:*

*Đôi ta bá nghệ tùy thân
Sớm hái rau chiều đón củi đỡ dân nuôi
nhau*

Hoặc chịu cảnh:

*Đôi ta chẳng động sum vầy
Khác nào kiếp nạn lạc bầy kêu sương
Nguyên nhân thì có nhiều, một trong số
đó là:*

*Đôi ta như lúa đồng đồng
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha
Hay như nguyên nhân gây ra là bởi “ai”
trong “đôi ta” ấy:*

*Đôi ta mới gặp đã lìa
Trách ai bẻ khoá quặng chia xa nhau
Bởi tại “trời”:*

*Đôi ta trắc trở tại ai
Trăng lu vì bởi đám mây chàng ràng
Tóm lại, motip “đôi ta” đã diễn tả khá đầy
đủ các cung bậc trong tình yêu lứa đôi, điều
lí thú hấp trong loại hình nghệ thuật dân
gian: ca dao!*

Thứ hai, về nghệ thuật, “đôi ta như ...” thể hiện chủ yếu hình thức so sánh tu từ.

*Đôi ta như quế với gừng
Dù xa cách mấy cũng đừng quên nhau
Nhưng không chỉ có thế, motip này cũng
sử dụng nhiều hình thức khác:*

*Đôi ta xôi đứng “xứng đôi”
Khi đi cũng đẹp, khi ngồi cũng cân
Câu ca sử dụng biện pháp chơi chữ theo
cách nói lái giữa hai thành tố: xôi đứng
(động từ) để tạo ra hình tượng “xứng đôi”
(tính từ). Từ chuyện “đôi ta” cùng thực hiện
hành động đứng “đồ xôi” để họ nói lên điều
cần thiết hơn, ngỏ lời: đôi ta - xứng đôi:*

So sánh với điển tích:

*Đôi ta như nghĩa Châu - Trần
Khi xa ngàn dặm khi gần tác gang
Sách xưa Trung Quốc chép rằng: Châu
Trần nhị tính thể thể hôn nhân, nghĩa là hai
họ (có sách ghi là hai thôn) Châu và Trần
đời đời kết hôn với nhau.*

Hay so sánh với mối tình Kim - Kiều, hai
nhân vật quen thuộc của văn học viết
(Truyện Kiều - Nguyễn Du):

*Đôi ta như Kim Trọng – Thuý Kiều
Đã lắm lúc đắng lại nhiều lúc cay
Mượn “mười lăm năm đoạn trường” của
hai nhân vật này để cốt “đôi ta” nói lên cảnh
tình “đắng cay” của chính họ:*

Một motip khác đi đôi ít nhiều với những
điều đã nói đến ở trên:

*Đôi ta cùng một chữ nghèo
Tỉ như có bọt thì bèo lẫn tăn*

Không so sánh với dạng “đôi ta như” mà
đưa ra điểm chung của hai đối tượng được
so sánh (đôi ta với bọt và bèo) trước đó là
“chữ nghèo”, thay “như” bằng “tỉ”, không
khác motip quen thuộc nhưng hình thức diễn
đạt thì đa dạng hơn.

Thứ ba, chúng tôi xin điểm qua các đối
tượng dùng để so sánh với “đôi ta”. Đã nói
là so sánh tất chúng phải có điểm chung, và
từ điểm chung đó giúp cho người đọc liên
tưởng để tìm ra nét tương đồng. Có khi điểm

chung ấy hiện hiện ngay trên câu chữ mà tác giả dân gian sử dụng:

Đôi ta như thể con ong

Con quần, con quít con trong con ngoài

Điểm giống nhau giữa đôi ta với “con ong” là sự “quần quít” từ “con trong” đến “con ngoài” ấy.

Nhưng phần lớn, sự liên tưởng giữa đôi ta và đối tượng so sánh bị giấu, bị ẩn đi:

Đôi ta như quế với gừng

Dù xa xôi mấy cũng đừng quên nhau

Quế với gừng luôn ở cạnh nhau, vị cay của hai loại thực vật này tạo nên cảm giác nồng ấm ... Tất cả những điều đó được dùng để liên tưởng đến tình “đôi ta”, ...

Qua khảo sát, có thể thấy ở motip so sánh “đôi ta” có rất nhiều đối tượng được đưa ra để người tiếp nhận liên tưởng. Từ những hình tượng dân dã, quen thuộc, đó là các con vật như rắn liou diu, như con bò gầy, như cá thồn bơn, như thể con ong, là đôi chim ..., đó là các đồ vật: đá với dao, nút với khuy, như thể đồng tiền, như bộ chén chung, đĩa trong kho ..., đó là các loài cây cỏ: *như lựu với đào; như quế với gừng; như lúa đồng đồng; như lúa phai màu; như cỏ mọc hoang* ..., đến những hình ảnh chung chung từ một cổ ngữ: *như ngãi Châu - Trần* (một điển tích); là *ngãi tào khang* (một từ cổ ẩn chứa một điển tích); *như nghia ba sinh* (từ Hán Việt, gọi chuyện trăm năm), ...

3. Trí tuệ dân gian thật phong phú và sâu sắc, rất nhiều dạng thức cùng motip nhưng vẫn rất đa dạng, không hề trùng lặp, không tạo sự nhàm chán.

Những hình ảnh quen thuộc, gần gũi giản dị của cuộc sống thường nhật trở nên lung linh, đa sắc thái khi đi vào nghệ thuật so sánh. Bên cạnh đó, những từ Hán Việt, những điển tích trong sử sách càng làm cho những *viên ngọc dân gian* thêm chói sáng bởi sự tiếp thu những nét cao sang từ văn chương bác học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-10-2009)

NGHỆ THUẬT CHƠI CHỮ...(tiếp theo trang 65)

- *Kiểu 3* – thay đổi âm đầu và vần, thanh điệu giữ nguyên. Ví dụ: *lọ tương, tượng lo, tổ kiến - kiến tổ...*

- *Kiểu 4* – thay đổi âm đầu, vần và thanh điệu giữ nguyên. Ví dụ: *bình định – đình bịnh, mỏ kiến - cỏ miến, con thỏ - thon cỏ...*

Trong bốn kiểu nói lái này ở Quảng Nam chỉ nói lối kiểu 1 và 2 mà không hề sử dụng kiểu 3 và kiểu 4... Người Quảng rất giỏi nói lái, nói lái xuất hiện rất nhiều trong hát đối đáp: Và đây là lời một cặp hát đối đáp:

- *Con cá đối nằm trên cối đá*

Con mèo đuôi cút nằm mút đuôi kèo

Anh mà đối đặng có nghèo em cũng ưng.

- *Con mỏ kiến đáp trên miếng cỏ*

Con chim vàng lông nằm giữa vòng lang...

3. Hát dân ca đối đáp ngày nay không còn là một loại hình nghệ thuật được yêu thích đặc biệt như trước đây nữa. Song, những giá trị nghệ thuật ngôn từ trong lời hát vẫn còn nguyên giá trị. Nghệ thuật chơi chữ xuất hiện dày đặc trong lời hát đối đáp xứ Quảng đã góp phần làm toả sáng thêm cho thơ ca dân gian của vùng đất này, đồng thời thể hiện tài nghệ của người dân địa phương nơi đây.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Bồn, *Văn nghệ dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng*, tập 1. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng, 1983.

2. Nguyễn Văn Bồn, *Văn học dân gian Quảng Nam*, tập 1. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam, 2001.

3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb GD, (tái bản) 2004.

4. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật, *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb Văn hoá, H. 1995.

5. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb GD, (tái bản) 2003.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-05-2010)